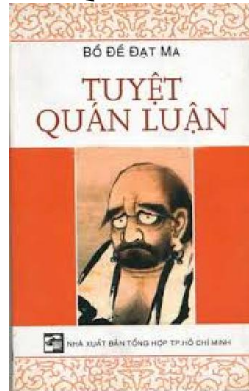


TUYỆT QUÁN LUẬN



Tô Bồ Đề Đạt Ma
Vũ Thế Ngọc Dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.nguivosu.com>

Chuyển sang ebook 06-06-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Đôi điều về Tuyệt Quán Luận

Tuyệt Quán Luận

Đoạn 01

Đoạn 02

Đoạn 03

Đoạn 04

Đoạn 05

Đoạn 06

Đoạn 07

Đoạn 08

Đoạn 09

Đoạn 10

Đoạn 11

Đoạn 12

Đoạn 13

Đoạn 14

Đoạn 15

---o0o---

Đôi điều về Tuyệt Quán Luận

(Sưu Tầm Từ Net)

Thưa các bạn !

Chúng ta thật diễm phúc khi vùng đất hanh khô phía Tây Bắc Trung Hoa

**đã giữ lại cho chúng ta một Kiệt tác của Thiên Tông
mà chính các Thiên giả Trung Hoa từ thế kỷ 19 trở về trước
thậm chí còn chưa nghe nói đến tên**

đó là quyển TUYỆT QUÁN LUẬN

**(mà trên đầu sách được ghi là : BỒ-ĐỀ DẠT MA TUYỆT QUÁN
LUẬN)**

**May-mắn làm sao khi mà các dị bản TUYỆT QUÁN LUẬN đã được
phát hiện tại :**

Động Đôn-Hoàng (Touen Houang _ Tun-Huang)



Rồi đến năm 1900

**Cả thế-giới Học giả, những nhà nghiên cứu Phật học, những nhà khảo
cổ**

bàng hoàng sửng sốt khi động Đôn-Hoàng được phát hiện.

**Ôi cả một kho tàng tranh tượng, phù điêu, thư tịch cổ
phơi bày ra đến choáng ngợp.**

Trong hàng ngàn thư tịch cổ ấy có các dị bản TUYỆT QUÁN LUẬN



Các bạn ơi !

Người trong ảnh là nhà nghiên-cứu người Pháp Paul Pelliot là người đầu tiên "tổng kiểm kê" cái "kho DI LIỆU" quý báu này trong 6 quyển sách lớn:

Les Grottes de Touen Houang. Paris 1914 - 1924.

Và tên của 6 nguyên bản Hán văn TUYỆT QUÁN LUẬN là :

1. QUÁN HẠNH PHÁP VI HỮU DUYÊN VÔ DANH THƯỢNG SĨ TẬP

Đây là bản được D.T. Suzuki giới thiệu trong THIẾU THẤT DẬT THU (1935)

2. NHẬP LÝ DUYÊN MÔN.

3. TUYỆT QUÁN LUẬN

4. ĐẠT-MA HÒA THƯỢNG TUYỆT QUÁN LUẬN

5. TUYỆT QUÁN LUẬN (cùng tên với bản thứ 3)

6. TAM TẠNG PHÁP SƯ BỒ-ĐỀ ĐẠT-MA TUYỆT QUÁN LUẬN.

Năm 1973 Viện Nghiên cứu Thiền Học (Institute for Zen Studies) cho in phóng ảnh và chuyển ngữ từ Nhật văn sang Anh ngữ. (mỗi quyển giá 100 USD).



Thực không ngờ nghệ-thuật điêu khắc và hội họa thời bấy giờ (trước ngày Động Đôn-Hoàng khép lại) đã vượt lên đến tầm cao ấy !

Đại sư D.T. Suzuki cùng đa số các nhà học giả đều TIN rằng đây thực sự là tác-phẩm của Tổ Bồ-Đề Đạt-Ma.

Chỉ có lẽ loi một vài ý-kiến cho là do Ngài Pháp Dung (Nguu-đầu) viết thôi thì v/h cũng xin giới thiệu đôi nét về Ngài Pháp Dung vậy :

Trích dẫn:
Pháp Dung

法融 ; C: fǎróng; J: hōyū; 594-657;

Thiền sư Trung Quốc, người sáng lập thiền phái Nguu Đầu. Sư là môn đệ của Tổ Đạo Tín.

Thuở nhỏ Sư theo học Nho giáo và năm 19 tuổi đã thông kinh sử. Vì không hài lòng với những gì đạt được, Sư chuyển qua tham học Phật pháp và đến núi Nguu Đầu ở trong hang đá gần chùa U Thê, ngày đêm tu tập thiền định. Đạo hạnh của Sư cảm hóa được cả thú rừng nên chúng đem hoa quả đến cúng dường. Tổ Đạo Tín nhân lúc qua đây xem khí tượng biết trên núi có bậc dị nhân, đích thân lên núi tìm Sư. Sư ngồi thiền không để ý đến ai.

Tổ thấy thế bèn hỏi: "Ở đây làm gì?"

Sư đáp: "Quán tâm."

Tổ hỏi: "Ai quán, tâm là vật gì?"

Sư nghe không đáp được bèn đứng dậy làm lễ, hỏi và biết được Tổ là Thiền sư Đạo Tín. Sư chỉ Tổ vào hang phía sau tạm nghỉ. Thấy thú dữ lảng xăng, Tổ ra về sợ,

Sư hỏi: "Ngài vẫn còn cái đó sao?"

Tổ hỏi lại: "Cái đó là cái gì?"

Sư không đáp được. Một lát sau, Tổ viết lên chỗ ngồi của Sư chữ »Phật« (佛). Sư trông thấy giật mình,

Tổ hỏi: "Vẫn còn cái đó sao?"

Sư nghe bèn làm lễ cầu xin chỉ dạy.

Tổ bèn dạy: "Phàm trăm ngàn pháp môn đồng về một GỐC. Diệu đức như hà sa thầy ở nơi nguồn tâm. Tất cả môn giới, định, huệ, thần thông biến hóa, cả thầy đều ở tâm người... Không có tam giới có thể ra, không có Bồ-đề có thể cầu... Chỉ tâm người tự tại, chớ khởi tham sân, chớ ôm lòng lo buồn, rỗng rang không ngại, mặc tính tung hoành, chẳng làm việc thiện, chẳng làm việc ác, đi đứng ngồi nằm, mắt thấy gặp duyên thấy đều là diệu dụng của Phật. Vì vui vẻ không lo buồn nên gọi là Phật."

Sư hỏi: "Tâm đã đầy đủ, cái gì là Phật? Cái gì là tâm?"

Tổ đáp: "Chẳng phải tâm thì không hỏi Phật, hỏi Phật thì chính là tâm."

Sư hỏi: "Đã không khởi quán hạnh, khi gặp cảnh khởi tâm làm sao đối trị?"

Tổ đáp: "Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu khởi nơi tâm, nếu tâm chẳng theo danh, vọng tình từ đâu khởi? Vọng tình đã chẳng khởi, chân tâm mặc tình biết khắp. Người chỉ tùy tâm tự tại, chẳng cầu đối trị, tức gọi là Pháp thân thường trụ, không đổi thay."

Sư nhân đây liễu ngộ.

Sư trụ trì tại Ngưu Đầu sơn, học chúng đến rất đông. Sau có vị quan tỉnh Sư đến chùa Kiến Sơ hoằng hóa. Sư nhận lời cầu thỉnh đến chùa Kiến Sơ nhưng chỉ một năm sau (657), ngày 23 tháng giêng, Sư viên tịch tại đây, thọ 64 tuổi, 41 tuổi hạ.



Trích dẫn:

"Thuở nhỏ Sư theo học Nho giáo và năm 19 tuổi đã thông kinh sử".

Điều này cho chúng ta thêm tin rằng TUYÊN QUÁN LUẬN là do Ngài Pháp-Dung viết vì cách hành văn, giọng văn và khí chất đều mang bóng dáng một người Trung Hoa tinh thông Tam giáo chứ không mang THẦN KHÍ SẮM SÉT VÔ NGÔN của Tổ Đạt-Ma.

Đó là ý tưởng riêng của v/h (đầy cảm tính, thiếu khoa học) chỉ vì nghĩ rằng tác phẩm này là do Ngài Pháp Dung viết nên v/h mạnh dạn DỊCH ẢO tác phẩm tuyệt vời này !

Dầu trúng dầu sai chỉ mong GỢI Ý CHO CÁC BẠN SUY TƯ' mà thôi. Xin đừng ai cho là quan trọng lời nói của một người có đến ba bốn cái không bằng cấp, không học lực, không tu hành, không chứng đắc

*"lời quê góp nhặt đông-dài
mua vui cũng được một vài trống canh"*

(Nguyễn-Du)

Hết Phần Suru Tâm (Nam Thiên thực hiện)

---o0o---

Tuyệt Quán Luận

Đoạn 01

Đạo lớn thâm sâu, u diệu mà tịch nhiên quảng đại, chẳng thể lấy Tâm mà hiểu, chẳng thể lấy lời mà giải. Nay thử lấy hai người, cùng nói điều chân thực. Sư chủ tên Nhập Lý, đệ tử gọi là Duyên Môn.

1.1

Bây giờ, Nhập Lý tiên sinh tịch lặng chẳng nói, Duyên Môn bỗng đứng dậy thưa với Nhập Lý tiên sinh: "Cái gì gọi là Tâm, thế nào là An Tâm?"

Đáp: "Người chẳng cần cho rằng phải có cái Tâm, cũng chẳng cố cho được an. Như thế gọi là An đó."

1.2

Hỏi: "Nếu như chẳng có Tâm, làm sao để học Đạo?"

Đáp: "Đạo chẳng thể lấy Tâm để nghĩ bàn được, thì há cần Tâm ư!"

1.3

Hỏi: "Nếu chẳng lấy Tâm để nghĩ bàn, thì lấy gì để suy niệm?"

Đáp: "Có Niệm ắt có Tâm, có Tâm ắt sai Đạo. Vô Niệm tức Vô Tâm, Vô Tâm tức chân Đạo vậy".

1.4

Hỏi: "Tất cả chúng sinh thực đều có Tâm chẳng?"

Đáp: "Nếu chúng sinh thực có Tâm, ắt sinh điên đảo. Chỉ vì ở nơi Vô Tâm mà lấy làm Tâm nên sinh ra vọng tưởng".

1.5

Hỏi: "Vô Tâm có những gì?"

Đáp: "Vô Tâm tức là Vô Vật (không có gì cả), Vô Vật tức là Thiên chân (đầy đủ chân thực một cách tự nhiên), Thiên chân tức Đại Đạo".

1.6

Hỏi: "Vọng Tưởng của chúng sinh diệt được chẳng?"

Đáp: "Như kẻ đã thấy Vọng Tưởng, lại thấy (có thể) diệt được vọng tưởng thì chẳng thể xa lìa được vọng tưởng"

1.7

Hỏi: "Kẻ chẳng còn (cần) diệt trừ (vọng tưởng) thì hợp đạo lý chẳng?"

Đáp: "Nếu đã nói HỢP với BẤT HỢP là cũng đã chẳng xa rời được Vọng Tưởng".

1.8

Hỏi: "Bấy giờ thì làm gì?"

Đáp: "Chẳng có bấy giờ".

---o0o---

Đoạn 02

2.1

Duyên Môn hỏi: "Nói về bậc Thánh nhân, vì bỏ (đoạn) Pháp gì, vì được (đắc) Pháp gì, mà gọi là Thánh?"

Nhập Lý đáp: "Một pháp chẳng bỏ, một pháp chẳng đắc, nên gọi là Thánh vậy."

[Thánh nhân (arya): giác giả: kẻ giác ngộ]

2.2

Hỏi: "Nếu chẳng bỏ chẳng đắc, cùng phạm phu thì có khác gì nhau?"

Đáp: "Chẳng thể giống nhau được! Tại sao? Tất cả phạm phu vì mê lầm nên còn có điều phải đoạn bỏ, vì mê lầm nên còn có điều sở đắc."

2.3

Hỏi: "Nay nói phạm phu có điều sở đắc, thánh nhân chẳng có gì sở đắc. Như vậy, ĐẮC và BẤT ĐẮC có gì khác biệt?"

Đáp: "Phạm phu có điều sở đắc tức là có mê lầm. Thánh nhân chẳng có gì sở đắc tức là không mê lầm. Cho nên có mê lầm mới luận bàn ĐỒNG (giống) và BẤT ĐỒNG (khác). Còn, không mê lầm thì (không còn phân biệt) vô dị (không khác) với vô-bất-dị (không có gì không khác) gì nữa".

2.4

Hỏi: "Nếu chẳng khác nhau thì cái tên Thánh nhân là gì?"

Đáp: "Phạm phu với Thánh nhân, cả hai chỉ là cái tên. Tên vốn không hai, chẳng có gì khác biệt. Giống như nói lông rùa, sừng thỏ (những điều không có thật) ấy thôi".

2.5

Hỏi: "Như vậy Thánh nhân cũng như lông rùa, sừng thỏ (những gì không thật); tất cả cuối cùng dẫn đến cái Không, thì lấy gì để dạy người học đạo?"

Đáp: "Ta nói lông rùa Không, chứ chẳng nói rùa cũng không có. Người lấy thí dụ đó là khó ư."

2.6

Hỏi: "Không có lông là ví với gì? Rùa ví với gì?"

Đáp: "Rùa ví với Đạo, lông ví với Ngã. Vì vậy, Thánh nhân Vô Ngã nên có Đạo. Trái lại, phạm phu chấp có Ngã có Danh, giống như cố cho rằng có lông rùa, sừng thỏ vậy!"

2.7

Hỏi: "Nếu như vậy, Đạo ứng với cái Có đó, Ngã ứng với cái Không đó. Với cái Có-Không-Không-Có đó, sẽ sinh ra kiến chấp hư vô (chẳng có chẳng không) chẳng?"

Đáp: "Đạo chẳng là cái Có đó, Ngã cũng không phải là cái Không đó. Là tại làm sao? Vì Rùa chẳng phải là trước Không mà nay Có, nên chẳng thể nói là Có. Lông rùa chẳng phải vì trước Có nay Không, nên không thể nói là Không. Đạo cùng với Ngã có thể hiểu giống như cách thí dụ đó!"

[Kinh Đại Niết Bàn (Nirvana Sutra) có lời Phật dạy: (Đại Tạng Kinh quyển 12 tập 374 trang 422 C): "Những gì trước có mà nay không có; những gì trước không có mà nay có thì đều chẳng (thật) có".]

2.8

Hỏi: "Về người cầu đạo, chỉ riêng một người đắc đạo chẳng? Hoặc tất cả đều đắc? Hoặc mỗi kẻ mỗi đắc? Hoặc tất cả chung lại mà có? Hoặc bản lai đã sẵn có hay do tu tập rồi sẽ thành?"

Đáp: "Tất cả như người nói đều không phải. Tại làm sao?"

Nếu chỉ riêng một người đắc thôi, Đạo ắt không cùng khắp.

Nếu tất cả chúng nhân đều đắc cả (chỉ có một trạng thái trong tự nhiên, trạng thái đắc đạo), Đạo ắt quá nghèo nàn.

Nếu mỗi người mỗi đắc (có sự khác biệt lẫn nhau, không là Nhất thể), Đạo ắt có nhiều con đường (trong khi Đạo chỉ có Một).

Nếu cùng chung lại mà đắc, các phương tiện đều thành vô dụng.

Nếu như bản lai sẵn có, (bách giới) vạn hạnh ((trăm giới), vạn đức hạnh) chỉ đều là hư thiệt thôi sao?

Nếu tu mà sau thành được, thì ĐỒ cũng chỉ là giả tạo không thật vậy!".

2.9

Hỏi: "Cuối cùng, còn nói gì?"

Đáp: "Xa mọi tính toán so sánh, cắt đứt mọi tham dục".

[Kinh Lăng Già : "Lìa tất cả căn lường (tính toán, so sánh) thì không ngôn thuyết, không ngôn thuyết thì vô sanh. Vô sanh thì không diệt, không diệt thì tịch diệt. Tịch diệt thì tự tánh Niết Bàn". Trang 319]

---o0o---

Đoạn 03

3.1

Duyên Môn hỏi: "Phàm phu có thân, nên nhìn nghe cảm biết, thánh nhân cũng có thân, nên cũng nhìn nghe cảm biết. Có ai khác biệt ở trong?"

Nhập Lý đáp: "Phàm phu mắt thấy, tai nghe, thân cảm, ý biết. Thánh nhân không như vậy, thánh nhân thấy cái thấy không phải của mắt (kiến phi-nhãn-kiến), nghe cái nghe không phải của tai (văn phi-nhĩ-văn), cảm cái cảm không phải của thân (cảm phi-thân-cảm) cho đến biết cái biết không phải của ý (tri phi-ý-tri). Là tại sao? Vì đã vượt qua những tính toán đo lường rồi vậy".

3.2

Hỏi: "Tại sao kinh nói Thánh Nhân vô kiến, văn, giác, tri (không có cái thấy, nghe, cảm, biết của phàm phu)?"

Đáp: "Thánh nhân không có cái kiến, văn, giác, tri của phàm phu, không có nghĩa là không có thể giới sự thể (cảnh giới tự nhiên và vũ trụ) của thánh nhân. (Đó là vì) không giữ cái chấp Hữu Vô, xa lìa tính phân chia so sánh vậy."

3.3

Hỏi: "Phàm phu thật có cái gọi là thể giới sự thể của phàm trần chăng?"

Đáp: "Thực không có khi còn mê, vì bản lai tính lặng tịch diệt, tuy nhiên vì mê mờ tính toán, so sánh thành ra sai lệch vậy".

3.4

Hỏi: "Con không hiểu, cái gọi là: sự thấy của thánh nhân không phải là cái thấy của mắt, sự hiểu của thánh nhân không phải là cái hiểu của ý thức?"

Đáp: "Pháp thể khó thấy, có thể thí dụ thể này để hiểu: như lấy ánh sáng thâm sâu chiếu soi một vật. Giống như là (có vật) chiếu rọi và (có vật) bị chiếu. Không thể có con mắt mà tự có cái khả năng thấy được. Đến như cái lý Âm Dương trong muôn vật, giống như (một bên là) cái biết (và một bên là) cái bị biết. (Thành ra cũng) không có một cái Ý thức mà tự nó có cả cái khả năng hiểu được".

---o0o---

Đoạn 04

4.1

Duyên Môn đứng dậy hỏi: "Cuối cùng Đạo thuộc ai?"

Đáp: "Cứu cánh không thuộc về gì cả, giống như chân không chẳng lệ thuộc vào đâu. Đạo mà còn lệ thuộc buộc ràng tức là có căn có khai, có chủ có khách".

4.2

Hỏi: "Gốc của Đạo là gì? Cái Dụng của pháp là gì?"

Đáp: "Hư không là gốc của Đạo, tất cả MỖI hiện tượng đều là cái dụng của Đạo Pháp".

4.3

Hỏi: "Trong đó ai là kẻ tạo bày?"

Đáp: "Không ai tạo bày, Pháp giới tính tự nhiên".

4.4

Hỏi: "Chẳng phải chính là do Nghiệp lực của chúng sinh mà làm ra ư?"

Đáp: "Đã mang nghiệp, nên bị nghiệp ràng buộc, từ đó mà ra chẳng phải khác. Làm sao rảnh rang mà khơi biển, gom núi, định trời dựng đất được".

4.5

Hỏi: "Thường nghe Bồ Tát do ý mà hóa thân, không phải là do Lực thần thông sao?"

Đáp: "Phàm phu có nghiệp chướng ô uế, thánh nhân chẳng có nghiệp chướng. Do đó, có hơn có khác nhưng chưa hẳn là cái đạo tự nhiên. Cho nên Kinh (Lăng Già) nói: có biết bao thân xác do ý hóa sinh, thật ra chẳng gì khác hơn là do tâm tạo bày".

4.6

Hỏi: "Nếu đã nói Không là gốc của Đạo, Không là Phật chẳng?"

Đáp: "Nhu thị!"

4.7

Hỏi: "Nếu Không là Phật, Thánh nhân sao chẳng chuyển bảo chúng sinh niệm Không, mà lại dạy chúng sinh Niệm Phật?"

Đáp: "Vì chúng sinh ngu si, nên mới chỉ dạy Niệm Phật. Còn với người có đạo tâm, thì dạy Quán thực tướng cái thân này, cũng như Quán Phật vậy. Nói Thực Tướng tức là nói Không, là nói Vô Tướng vậy".

Đoạn 05

5.1

Duyên Môn đứng dậy hỏi: "Thường nghe ngoại đạo cũng đắc Ngũ thông, các bậc Bồ tát cũng đắc như thế. Cả hai đều có (thần thông) thì có gì khác biệt?"

Nhập Lý trả lời: "Không giống. Là tại sao? Ngoại đạo cho rằng họ có đạt được, Bồ tát thì không như vậy, bởi vì đã đạt được lý Vô Ngã rồi vậy".

5.2

Hỏi: "Lúc bắt đầu, phàm mới học đạo, lý nhập thì chưa trọn, chân như mới thâm một chút, hiểu sơ sài về diệu lý. So với những kẻ ngoại đạo đã đắc được ngũ thông, thì sao mà hơn được?"

Đáp: "Trước hay giữ lấy phần nhập lý dù rất nhỏ bé đó. Có lợi gì về việc sử dụng cái Ngũ thông kia?"

5.3

Hỏi: "Nếu đắc Ngũ thông thì đời sẽ tôn kính, đời sẽ coi trọng. Trước: biết việc chưa đến, Sau: biết việc đã qua. Tự phòng ngừa lấy những hư lầm sai quấy, há chẳng là hơn không?"

Đáp: "Chẳng phải là tại sao? Tất cả người đời, tâm đa hướng về hình tướng, tham buộc vào của cải cơ nghiệp. (Đó là) theo hư ngụy mà làm loạn chân chính. Những kẻ đó dù có được cái thần thông của Thắng Ý, cái tài biện thuyết của Hạnh Tinh, mà không thấu hiểu được cái Lý của Thực tướng thì cũng (giống như Thắng Ý và Hạnh Tinh) đều chẳng thoát chết bởi nạn đất sụp vậy".

[Thắng Ý : nhân vật trong Chư Pháp Vô Hạnh Kinh, Đại Tạng Kinh, quyển 15; Hạnh Tinh : nhân vật trong Niết Bàn Kinh, Đại Tạng Kinh, quyển 12]

---o0o---

Đoạn 06

6.1

Duyên Môn hỏi: "Đạo chỉ có ở trong linh hình chăng? Hay Đạo cũng ở trong cả cây cỏ nữa?"

Nhập Lý nói: "Đạo chẳng thuộc về cái gì có giới hạn."

6.2

Hỏi: "Đạo bao la như vậy, thì tại sao giết người có tội, còn giết thảo mộc vô tội?"

Đáp: "Khi nói có tội và không có tội, thì đều là nói theo từng sự việc riêng biệt, không phải là chính đạo. Đó là bởi vì thế nhân không đạt được cái Lý của Đạo, mê lầm mà cho rằng có cái thân ngã, sát tức là có tâm (cố ý), tâm đó kết thành nghiệp, nên nói là có tội. Thảo mộc vô tình, trước sau vốn hợp với Đạo. Lý đã Vô Ngã, nên chẳng kể đến người hại chúng. Vì vậy, nên nói là chẳng luận bàn về có tội hay không có tội. Cho nên Vô Ngã là hợp với Đạo, coi thân hình như cây cỏ, dù có bị cắt chặt thì cũng như là cây rừng (bị chặt). Vì vậy nên Ngài Văn Thù Sư Lợi dùng kiếm chém Đức Cồ Đàm, Ương Quật cầm dao đâm Đức Thích Ca. Cả hai (trường hợp) đều là thuận hợp với Đạo. Cả hai (Văn Thù và Ương Quật) đều chứng quả vị bất sinh, liễu tri được tính hư không huyền hóa (của mọi hiện tượng). Vì vậy, nên nói là không luận bàn về có tội hay không có tội vậy".

[Trong Đại Bảo Tích Kinh (Ratnakutah) có nói đại ý khi nghe Phật thuyết pháp, có năm trăm vị Nhập Lưu hiểu được kiếp trước của mình đã phạm những đại tội, cho nên mang vọng tâm là mình sẽ không bao giờ giác ngộ được. Bồ tát Văn Thù hiểu được ý Phật muốn dạy cho họ một bài học để làm sáng tỏ những vọng tưởng đó, nên ngài đứng lên cầm kiếm chém Đức Phật. Phật bèn cản lại mà dạy, đại ý nói: Bán lai vô Ngã, chỉ vì chấp trước mà có thân ngã, ngã kiến, có tội, phi tội, v.v... Nếu người muốn hại Phật thì chỉ cần trong tâm hiện lên ý đó, là đã đủ tổn hại đến Phật,... còn đạt lý vô tâm thì siêu việt thiện ác,... (như trường hợp ngài Văn Thù lúc này)]

[Ương Quật Ma La (Angulimala), tên một nhân vật trong Tập A Hàm Kinh (Samyutta Nikaya). Ương Quật là gã Bà La Môn ở thành Xá Vệ. Ban đầu, tin theo tà thuyết nói là hễ giết được 1000 người rồi, chặt ngón tay xỏ làm chuỗi đeo thì được sanh lên cảnh Thiên Đàng. Khi giết được 999 người rồi, còn thiếu một, Ương Quật định giết mẹ và rượt theo mẹ để giết. Đức Phật bèn đem lòng thương xót nên hiện ra bên đường, để Ương Quật giết. Ương Quật liền rượt theo Phật, Phật chỉ bước mà hấn không nắm bắt được. Đợi cho đến lúc hấn kiệt sức, Đức Phật mới dùng lời cảm hóa. Sau Ương Quật quy y, xuất gia và cũng đắc quả A La Hán. Hai điển tích trên đây cũng là ý nghĩa của câu thoại đầu nổi tiếng của Thiền giới. Phùng Phật sát Phật,

phùng Tổ sát Tổ, để chỉ Trí Huệ Bát Nhã tuyệt đối, Bình Đẳng Trí, Vô Phân Biệt Trí,... không xem cả Phật là cứu cánh.]

6.3

Hỏi: "Nếu thảo mộc từ lâu đã hợp đạo, thì sao trong kinh không thấy ghi rõ cỏ cây thành Phật mà chỉ ghi người ta (thành Phật)?"

Đáp: "Không phải chỉ ghi có người, còn có ghi cả thảo mộc nữa. Kinh (Hoa Nghiêm) nói: chỉ trong một hạt bụi cũng có tất cả thế giới vạn tượng. Kinh (Duy Ma Cật) lại cũng nói: Tất cả thế giới vạn tượng đều như vậy, tất cả chúng sinh cũng cùng như thế. Đó là không hai, là vô sai biệt vậy".

---o0o---

Đoạn 07

7.1

Duyên Môn hỏi: "Nếu theo yếu lý Chân Không, thì lấy gì để chứng ngộ?"

Nhập Lý nói: "Tìm trong tất cả mọi hình tướng (Sắc) , chứng ngộ bằng tự lời của mình".

[Sắc (Rùpa): Sắc pháp và Tâm pháp, tất cả hình tướng của tự thể và cảnh giới ngoại tại]

7.2

Hỏi: "Tìm trong tất cả mọi hình tướng là gì? Chứng ngộ bằng lời của mình là gì? Thế nào là sắc trung cầu? Thế nào là Ngữ trung chứng?"

Đáp: "Chân Không và Hình Tướng vốn là một, Ngữ ngôn và Tu chứng cũng chẳng hai".

7.3

Hỏi: "Nếu tất cả Pháp giới vạn vật là Không, thì sao Thánh nhân thì thông suốt, Phàm phu thì ngưng trệ?"

Đáp: "Mê động nên ngưng trệ, Chân tĩnh nên thông suốt".

7.4

Hỏi: "Nếu (tất cả pháp giới) đã là không, thì thế nào là vô minh? Nếu đã vô minh rồi thì làm sao lại thành không cho được?"

Đáp: "Phàm đã nói đến mê thì bất giác chợt khởi, bất giác lại động. Nhưng kỳ thực trong tính Không thì chẳng có một cái gì gọi là mê vọng cả". Khi mê

vọng thì có khởi có động, có cái gọi là vô minh có điều gọi là Phật thánh... còn trong Không Tính (cảnh giới của người giác ngộ, trạng thái thanh tịnh, Niết Bàn,...) thì tất cả pháp giới đều phô bày thực tính, thì chẳng còn gì gọi là hư giả, hư vọng nữa.

[So đoạn này với Tâm Kinh Bát Nhã: "Tướng Không của các pháp thì chẳng sanh chẳng diệt, chẳng tịnh, chẳng nhơ,... trong tính Không này thì chẳng có cái gì gọi là hình tướng, cảm thụ, tư tưởng,...">

7.5

Hỏi: "Nếu (pháp giới) thực là Không, thì tất cả chúng sinh đều không cần tu đạo. Là tại sao? vì tự nhiên tính (của chúng sinh đã là Không rồi) là thế".

Đáp: "Tất cả chúng sinh, nếu thực đã thông giải cái Lý tính Không rồi thì quả là không cần tu đạo gì cả. Nhưng chỉ vì đã ở chốn Không mà chẳng (giác ngộ được) Không nên mới sinh ra nghi hoặc vậy".

7.6

Hỏi: "Nếu như thế, ắt lìa mê hoặc là Đạo. Thì tại sao lại còn nói tất cả đều không phải là Đạo?"

Đáp: "Không phải vậy, không phải mê hoặc là Đạo, cũng không phải lìa mê hoặc là Đạo. Là tại sao? Như người say thì không tỉnh, tỉnh thì không say. Cho nên, không phải lìa say mà có tỉnh, hay không say (ngà ngà say) tức là tỉnh".

7.7

Hỏi: "Như khi người ta tỉnh rồi thì say ở đâu?"

Đáp: "Như lật ngược lại bàn tay. Trong khi tay còn đang lật như vậy, không cần hỏi tay ở đâu".

[Mê tỉnh chỉ là hai mặt của một thực thể, như bẻ trái bẻ mặt của bàn tay. Chỉ vì mê nên không nhận ra được chân tâm vốn đã trong sáng ở ngay trong mình.]

---o0o---

Đoạn 08

8.1

Duyên Môn hỏi: "Nếu như không đạt được chân lý đó, có thể thuyết pháp giáo hóa chúng sinh được chăng?"

Nhập Lý nói: "Không được. Là tại sao? Mắt mình còn chưa tỏ, há trị được mắt người u?"

8.2

Hỏi: "(Tuy chưa đạt lý nhưng) cố tận trí lực, tùy theo hoàn cảnh mà hóa độ, cũng không được sao?"

Đáp: "Nếu đạt Đạo Lý, thì gọi là Tận Lực. Còn chưa đạt được Lý Đạo, thì gọi là Vô Minh Lực (sức mạnh của u mê). Là tại sao? vì (cái sức mạnh u mê đó) chỉ giúp cho phiền não tăng trưởng mà thôi".

8.3

Hỏi: "Tuy không có khả năng mang chân lý hóa độ cho người, thì cũng dạy chúng sinh làm Thập thiện, Ngũ giới, an định nhân thiên. Há không có lợi hay sao?"

Đáp: "Chẳng những đối với chân lý tuyệt đối là vô ích, mà còn khiến tổn hại gấp đôi. Là tại sao? Vì đã tự hãm mình rồi lại còn hãm người. Tự hãm nghĩa là tự cản trở mình với Đạo. Hãm người, nghĩa là cũng không giúp người thoát khỏi luân hồi lục đạo vậy."

[Thập thiện: không giết người, không trộm cướp, không dâm dục, không dối trá, không hai lời, không ác khẩu, không hoang ngôn, không tham dục, không sân hận, không tà kiến.

Ngũ giới: không giết người, không trộm cướp, không dối trá, không dâm loạn, không nghiện ngập.]

8.4

Hỏi: "Phật không thuyết rằng có ngũ thừa khác nhau đó hay sao?"

Đáp: "Phật chẳng dụng tâm khi nói về các pháp môn khác biệt. Chỉ vì chúng sinh, tự tâm hiện lên hư vọng. Cho nên Kinh (Lăng Già) nói: Nếu như tâm người trống lạng chẳng còn gì, thì chẳng còn xe (thừa) lẫn người cỡi xe (thừa giả), không còn lập ra thừa nào nữa cho nên Như Lai gọi là Nhất thừa vậy."

[Kinh Lăng Già: "từ Chư Thiên thừa, Phạm thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa đến Phật thừa mà còn tâm phân biệt thì chưa phải là tối diệu. Nếu tâm kia diệt hết thì chẳng còn thừa (xe) và thừa giả (người cỡi xe) nữa, chẳng lập thừa, nên Như Lai nói là Nhất thừa"]

Đoạn 09

9.1

Duyên Môn hỏi: "Tại sao người học đạo chân chính chẳng được người biết đến, chẳng được người nhận ra?"

Nhập Lý đáp: "Kẻ bần cùng chẳng nhận ra được của báu, người giả trá không thể hiểu được bậc chân nhân."

9.2

Hỏi: "Thế gian có người ngu tối, chẳng theo chính lý, bên ngoài thì uy nghi, chuyên trọng địa vị và của cải, lại có nhiều người cả nam lẫn nữ gần gũi?"

Đáp: "Như dâm nữ thì mời gọi bạn nam nhân, thịt thối thì ruồi kéo lại. Vì thế nên nói tên và việc đi đôi vậy".

---o0o---

Đoạn 10

[bắt đầu đoạn này, dành cho bậc Bồ tát ở các tầng mức cao để thực chứng Vô Ngã rốt ráo và sau cùng, thực tại siêu việt Tối Hậu vô phân biệt]

10.1

Duyên Môn hỏi: "Thế nào gọi là "Bồ tát hành ư phi Đạo (trái Đạo)" để đạt thành Phật Đạo?"

Nhập Lý đáp: "Vô phân biệt thiện ác!".

[Kinh Duy Ma Cật: "Ngài Văn Thù hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

-Làm thế nào để Bồ tát thông đạt Phật Đạo?

-Bồ tát thực hành Phi Đạo (trái Đạo) là thông đạt Phật Đạo.

-Thế nào là Bồ tát thực hành Phi Đạo?

-Nếu Bồ tát gây năm đại tội mà không buồn giận, ở trong địa ngục mà không có tội cấu, ở trong loài súc sanh mà không có vô minh kiêu mạn,... hiện vào hàng chúng ma mà vẫn theo trí tuệ Phật, hiện làm tất cả phiền não mà lòng thường thanh tịnh,..."]

10.2

Hỏi: "Thế nào là Vô Phân Biệt (thiện ác)?"

Đáp: "Bất cứ trong trường hợp nào cũng không dấy động tâm".

10.3

Hỏi: "Cũng không có cả Chủ thể hành động nữa chẳng?"

Đáp: "Chẳng phải là có-hay-không-có chủ thể".

10.4

Hỏi: "(Thực hành vô phân biệt thiện ác) là không có tri giác chẳng?"

Đáp: "Có tri giác nhưng Vô Ngã".

10.5

Hỏi: "Vô Ngã (không có chủ thể) thì làm sao có tri giác?"

Đáp: "Tri giác tự đã vô tánh".

10.6

Hỏi: "Cứ nói đến Ngã là sinh ra điều cản trở chẳng?"

Đáp: "Nếu chỉ biết đến cái tên thì có gì là trở ngại. Chỉ sợ rằng trong tâm sinh ra việc mà thôi".

10.7

Hỏi: "(Tâm) sinh sự thì có trở ngại chẳng?"

Đáp: "Không trở ngại thì vô sự. Đã vô sự, thì còn hỏi trở ngại cái gì?"

10.8

Hỏi: "Nhu triệt giảm hết mọi sự để không còn cái gì (trong tâm), thì Hành Phi Đạo là làm sao?"

Đáp: "Nếu thực sự đã vô sự, thì người còn cố khởi tâm cho sự sinh ra để làm gì?"

10.9

Hỏi: "Có nhân duyên nào thì sát sinh được?"

Đáp: "Lửa đồng đốt núi, gió mạnh bẻ cây, núi sập đè thú, nước tràn cơn trùng. Tâm giống được như vậy, thì có giết người cũng khả hợp. Còn nếu tâm còn do dự, phân biệt sống chết giết hại, trong còn tâm chưa tận diệt, thì (giết) một con kiến cũng là đã cột vào mệnh người rồi vậy".

10.10

Hỏi: "Trong nhân duyên nào thì trộm cướp được?"

Đáp: "Ông hái hoa bên hồ, chim sẻ ngậm hột ngoài sân, bò gặm đậu bên đầm, ngựa nhai lúa ngoài đồng. Tất cả đều chẳng biết gì đến vật gì, của ai. Hợp được như vậy thì có vác cả núi non đi cũng đặng, còn nếu không được

như thế, thì (lấy trộm) một ngọn lá nhỏ như đầu kim cũng cột khiến người làm nô lệ vậy".

10.11

Hỏi: "Trong nhân duyên nào thì hành dâm được?"

Đáp: "Trời phủ lấy Đất, Dương hợp với Âm, nước dột từ lỗ rò, suối tuôn theo dòng. Tâm mà đồng như vậy, thì chẳng chỗ nào mà hành động gặp trở ngại. Còn nếu còn sinh tính phân biệt (vui thích, xúc động,...) thì (hành lạc) với vợ ở nhà cũng khiến tâm người hoen bản vậy".

10.12

Hỏi: "Còn có nhân duyên nào thì vọng ngữ được?"

Đáp: "Có nói mà như không có người nói, có lời mà chẳng có tâm ý, thanh như tiếng chuông (vì gõ mà kêu, chứ chẳng vì chuông muốn lên tiếng), giọng như âm gió (gió thổi vì có vật cản mà thành âm chứ chẳng vì gió có giọng riêng của gió). Tâm mà đồng được như vậy thì lời nói đến Phật cũng không cần. Còn không được như vậy thì cho đến lời xưng tụng Đức Phật, cũng chỉ là những lời vọng ngữ mà thôi".

---o0o---

Đoạn 11

11.1

Duyên Môn đứng dậy hỏi: "Nếu như không còn Thân Kiến (cái Ngã và thân xác), thì (ai) đi đứng ngồi nằm?"

Đáp: "Cứ đi, đứng, ngồi, nằm, làm gì phải chấp trước là có thân xác và cái Ngã".

[Các Thiên sư thường lặp lại câu này. Xuất xứ có thể thấy trong kinh Bách Thiên Tụng Bát Nhã (Satasa Hasrika Rajnaparamita): "Bồ tát an trụ trong thân thể (vẫn có) cảm thụ, suy nghĩ, và (đối đãi) với vạn pháp, nhưng không khởi niệm phân biệt đối đãi với thân thể, cảm thụ, tâm ý và vạn pháp,... Khi Bồ tát đi, Bồ tát biết mình đi, khi đứng, Bồ tát biết mình đứng, khi ngồi biết mình ngồi, khi nằm biết mình nằm, khi buồn, biết mình buồn, khi tức giận biết mình tức giận, khi vọng tâm biết mình vọng tâm, khi mê lầm biết mình mê lầm,... mà không có chấp trước và thường ở tại lẽ Không và Vô Ngã.

Chúng sinh thì không biết mình ở tại lẽ Không và không thấy cái Lý Vô Ngã của thân thể, cảm thụ, tâm ý, và vạn pháp,...]

11.2

Hỏi: "Nếu đã không còn thân kiến, thì còn có thể suy tư về nghĩa lý được sao?"

Đáp: "Nếu còn Tâm chấp trước, thì không suy nghĩ, cũng vẫn là Có. Nếu đã hiểu được lý Vô Tâm, thì dù có suy tư đến cái gì chẳng nữa cũng vẫn là Không. Là tại làm sao? Đó giống như Thiền sư khi tĩnh tọa mà còn khởi tâm lự, như gió mạnh tuy loạn động mà Vô Tâm".

---o0o---

Đoạn 12

12.1

Duyên Môn hỏi: "Nếu có kẻ mới học đạo, bỗng gặp nhân duyên có người muốn hại, phải đối trị thế nào cho hợp đạo?"

Đáp: "Những điều đó chẳng cần phải đối trị. Là tại sao? Nếu tránh được thì tránh, không tránh được thì nhận; Nhẫn nhịn được thì nhẫn nhịn, không nhẫn nhịn được thì cứ khóc".

12.2

Hỏi: "Như mà khóc, thì cùng với người có kiến chấp về thân ngã có gì khác biệt?"

Đáp: "Như dùi gõ chuông, tiếng vang tự nhiên phát ra. Hà tất phải có cái Ngã nào hét. Người như sắp chết mà còn kìm tâm, cắn răng chịu đựng, thì cũng chỉ đi đến việc duy trì cái ngã to tướng kia mà thôi".

12.3

Hỏi: "Người mà khóc lóc thảm thiết, ắt trong có khơi động tâm tình. Há đồng với tiếng chuông vang ư?"

Đáp: "Nói đồng hay bất đồng, đều là do người đa sự vì có vọng tưởng, nghĩ suy, so sánh nên mới có câu hỏi đó. Còn nếu không còn tâm phân biệt, thì đạo thể vốn đã tự nhiên".

12.4

Hỏi: "Thánh nhân binh khí không thể hại được, khổ không làm cong mềm được, vật chất chẳng khiến hưởng thụ, tâm chẳng dấy động nổi. Như thế là thế nào?"

Đáp: "Nếu thấu hiểu rằng tất cả mọi pháp đều vô ngã (không có thật) thì có tiếng hay không có tiếng, có động hay bất động, đều hợp với lý đạo, chẳng gì cản trở được".

---o0o---

Đoạn 13

13.1

Duyên Môn hỏi: "Con thấy có người học đạo, chẳng chịu chuyên cần tinh tiến, giữ giới luật; không cần mẫn gia sức uy nghi; chẳng hóa độ chúng sinh, cứ tà tà phát phơ, đó là nghĩa gì?"

Đáp: "Muốn mất hết cái tâm phân biệt, muốn dứt tất cả mọi quan niệm hữu thường (chư hữu kiến). Thì (bề ngoài) như là có vẻ phát phơ nhàn lãng như vậy, nhưng thật ra bên trong thì chuyên cần không gián đoạn đó vậy".

[Chư Hữu Kiến: Các quan niệm về hữu (thường): có thân ngã, có hình tướng màu sắc,... như Thân kiến, Vọng kiến, Hữu kiến. Khi chữ Kiến dùng một mình nó có nghĩa là vọng kiến, hữu kiến,...]

13.2

Hỏi: "Như vị hành giả đó, lại sinh ra cái tiểu nhi chi kiến. Thì há lại nói được là có thể dứt bỏ được (tất cả mọi vọng) kiến hay sao?"

Đáp: "Hãy trừ bỏ vọng kiến của người, lo gì người khác sinh (hay không sinh). Như cá vừa ra khỏi vực sâu, há lo người bắt cá có ghét nó hay không".

13.3

Hỏi: "Nếu như thế, thì chỉ lợi mình hại người, há gọi được là bậc đại sĩ sao?"

Đáp: "Nếu người không sinh vọng kiến, thì tất nhiên nó chẳng sinh. Nay người lo suy về việc nó sinh, thì chính là người tự sinh, chứ không ai vào đây."

13.4

Hỏi: "Trong, thông đạt giáo lý Đại thừa. Ngoài, hiện uy nghi Tiểu thừa. Là đã làm tổn hại Pháp nào?"

Đáp: "Nay người lại muốn bắt ông già chơi trò con nít chẳng! Có ích gì đối với lý".

[Làm hại Pháp nào?: cách nói bóng bẩy ngược ngạo của Thiền gia, có nghĩa: "là theo Pháp môn nào?"]

13.5

Hỏi: "Nhu bậc đại sĩ đã trừ bỏ được hết những vọng tưởng đó, thì ai có thể nhận ra? ai có thể hiểu được?"

Đáp: "Người đã chứng ngộ thì hiểu được, người hành trì thì nhận ra được".

13.6

Hỏi: "Nhu vị đại sĩ đó, có thể hóa độ chúng sinh chẳng?"

Đáp: "Có nhật nguyệt nào mà không chiếu? Có đèn lửa nào mà không sáng?"

13.7

Hỏi: "Dùng phương tiện nào?"

Đáp: "Chính trực không phương tiện".

13.8

Hỏi: "Nếu không có phương tiện, thì làm sao để lợi ích cho chúng sinh?"

Đáp: "Vật đến nên có tên, việc qua nên đáp ứng. Không có tâm sắp bày, dự đoán tính toán".

13.9

Hỏi: "Con nghe nói Như Lai bảy ngày tư duy mới khởi phát ra phương tiện (để hóa độ chúng sinh). Sao bây giờ lại nói là chẳng có tâm sắp bày, tính toán?"

Đáp: "Cảnh giới chư Phật không thể suy tư, phân tích tìm hiểu hay quán tưởng mà biết được."

13.10

Hỏi: "Nhu vậy, Phật cũng nói dối chẳng?"

Đáp: "Chân thật không hư vọng".

13.11

Hỏi: "Tại sao kinh nói tư duy (Như Lai bảy ngày tư duy mới khởi phát ra phương tiện cứu độ). Nay nói không tư duy?"

Đáp: "Chỉ là phương tiện hóa độ mà thôi".

13.12

Hỏi: "Phương tiện của chư Phật vì theo lý nào mà sinh?"

Đáp: "Chư Phật chẳng sinh, chỉ vì theo tâm (chúng sinh) mà sinh. Tùy duyên mà hóa độ vạn vật nhưng bản lai Pháp Phật không có tên".

---o0o---

Đoạn 14

14.1

Duyên Môn hỏi: "Con không biết, thế nào gọi là Phật? Thế nào gọi là Đạo? Thế nào gọi là biến hóa? Thế nào gọi là thường trụ?"

Nhập Lý đáp: "Giác ngộ được vô vật thì gọi là Phật. Thông suốt được tất cả thì gọi là Đạo. Pháp giới xuất sinh là Biến hóa. Cứu cánh tịch diệt gọi là Thường trụ".

14.2

Hỏi: "Tại sao gọi tất cả các pháp đều là Phật pháp?"

Đáp: "(Không những tất cả các pháp đều là Phật pháp) mà cả những gì không phải là pháp (phi pháp), những gì không phải là phi pháp (phi phi pháp), cũng đều là Phật pháp cả".

14.3

Hỏi: "Cái gì tên là Pháp? Cái gì tên là phi pháp? Cái gì tên là phi-pháp phi-phi-pháp?"

Đáp: "Những gì là pháp thì tên là pháp (xác định), những gì không phải là pháp thì tên là phi-pháp (phủ định). Còn những gì không thể suy nghĩ cân lượng đối đãi được, thì có tên là phi pháp phi phi pháp".

14.4

Hỏi: "Ai chứng minh cho lời đó".

Đáp: "Lời đó chẳng nói đến cái Ai, thì nói gì đến cái chứng".

14.5

Hỏi: "Không có Ai thì làm sao có thuyết?"

Đáp: "Chẳng có Ai, chẳng có Thuyết, tức là chính thuyết".

14.6

Hỏi: "Cái gì gọi là tà thuyết?"

Đáp: "Là ngôn thuyết mà có sắp đặt tính toán".

14.7

Hỏi: "Đó là sự sắp tính của người ta, còn thế nào mới là không sắp tính?"

Đáp: "Sắp đặt tính toán thì chỉ là lời suông, còn trong lời chẳng có lời, thì tính toán cũng chẳng có".

14.8

Hỏi: "Cứ như lời đó, thì tất cả chúng sinh bản lai đã giải thoát?"

Đáp: "Đã chẳng bị buộc cột, thì làm sao còn có người giải thoát".

14.9

Hỏi: "Pháp đó tên là gì?"

Đáp: "Đã chẳng còn có Pháp, thì còn làm gì có tên!"

14.10

Hỏi: "Như thuyết đó, con càng thêm khó phân giải".

Đáp: "Thực không có pháp nào phân giải, người chớ cầu phân giải".

14.11

Hỏi: "Mục đích cuối cùng là sao?"

Đáp: "Không bắt đầu, chẳng chấm dứt!".

14.12

Hỏi: "Không có cả nhân quả, được chẳng?"

Đáp: "Không gốc tức là không ngọn".

14.13

Hỏi: "Lấy gì làm lời chứng?"

Đáp: "Chân thực không chứng thuyết".

14.14

Hỏi: "Thế thì làm sao hiểu được, nhìn ra?"

Đáp: "Hiểu tất cả các pháp như nó là thế. Thấy tất cả các pháp đều bình đẳng".

14.15

Hỏi: "Tâm nào thì hiểu được, mắt nào thì thấy được?"

Đáp: "Hiểu bằng vô tri, thấy bằng vô kiến".

14.16

Hỏi: "Ai nói lời đó?"

Đáp: "Như ta vừa hỏi đó".

14.17

Hỏi: "Thế nào là Như-ta-vừa-hỏi-đó?"

Đáp: "Người tự quán lấy câu hỏi, sẽ hiểu được lời đáp".

14.18

Nghe đến đó Duyên Môn suy đi nghĩ lại tới nhiều lần, rồi tịch lặng không nói.

Nhập Lý tiên sinh hỏi: "Sao người không nói?"

Duyên Môn thưa: "Con không thấy có được một pháp, dù nhỏ như hạt bụi, mà có thể bàn luận được".

Lúc đó, Nhập Lý tiên sinh liền nói với Duyên Môn: "Nay người giống như là kẻ đã thấy được cái lý chân thật rồi đó".

---o0o---

Đoạn 15

15.1

Duyên Môn hỏi: "Tại sao con tự thấy, rồi lại thấy như là không?"

Nhập Lý nói: "Cái thấy của người lúc này là không thấy có một Pháp nào hết. Giống như ngoại đạo, tuy học được phép ẩn hình mà vẫn chưa thể mất được bóng, lập được dấu".

[(Vô hữu nhất pháp giả), thấy cái Không, mới chỉ là phần giác chưa phải là toàn giác, như mới học được phép ẩn thân nhưng vẫn còn lộ bóng]

15.2

Duyên Môn hỏi: "Làm sao đắc được cách tiêu vong cả hình lẫn bóng?"

Nhập Lý nói: "Bản vô tâm cảnh, người chớ khởi sinh quan niệm rằng có sinh có diệt."

[Bản vô Tâm Cảnh: Góc vốn không có cả Tâm (chủ thể) lẫn Cảnh (đối tượng), vì Phật tính bản lai vẫn tịch lặng sáng ngời, chúng sinh vì mê vọng, nên bị che mờ, vì vậy đừng có sinh ra cái quan niệm rằng có sinh hay có diệt (mặc khởi sinh diệt chi kiến).]

15.3

Hỏi: "Là phàm phu nên hỏi, là thánh nhân nên thuyết?"

Đáp: "Có nghi nên hỏi, có giải đáp nghi ngại nên thuyết".

15.4

Hỏi: "Con nghe rằng thánh nhân không hỏi mà tự thuyết. Để giải thích điều gì? Có pháp để thuyết được chăng? Hoặc vì thấy được điều hồ nghi của người?"

Đáp: "Tất cả đều như tùy bệnh mà cho thuốc. Như khi có tiếng sấm sét, ắt phải có tiếng vang dội vậy".

[Nương theo lời Phật thuyết thì Kinh Phật thường gọi là Thập Nhị Bộ Kinh. Trong Thập Nhị Bộ Kinh, thì Phật nói kinh vì ba lý do chính:

1. Phật nương theo ý mình mà thuyết;
2. Phật nương theo ý người ta mà thuyết;
3. Phật vừa nương theo ý mình và người mà thuyết.

Ở đây, Phật không đợi hỏi mà tự thuyết, thuộc về bộ Udana (Tự thuyết), và 11 bộ khác]

15.5

Hỏi: "Đức Phật Như Lai đã chẳng có tâm mà sinh, vậy thì vì cơ duyên nào mà sinh ra đời?"

Đáp: "Thế giới thái bình, hữu duyên mà cỏ Thụỵ sinh".

[Cỏ Thụỵ (Thụỵ thảo): Theo truyền thuyết, thời thái bình của thế giới, thì có xuất hiện giống cỏ Thụỵ mọc.]

15.6

Hỏi: "Đức Như Lai đã không có cái mạng phải tận, thì tại sao lại chết?"

Đáp: "Thế gian khi gặp nạn đói, là duyên cho ngũ cốc diệt tiêu".

15.7

Hỏi: "Con nghe Đức Phật thương (cho chúng sinh) mà khởi định, vì lòng từ bi mà hóa độ chúng sinh, (Phật pháp) lớn lao chẳng gì cản trở, làm sao lại giống với cỏ Thụy được?".

Đáp: "Định là Pháp thân, Báo Thân là nhục thân tứ đại. Đáp ứng theo từng trường hợp thì gọi là Hóa Thân. Pháp thân thì không bị Nhân quả trói buộc, Hóa Thân thì không vì nhân duyên mà lưu. Xuất hiện hay mất đi đều thông suốt an nhiên, vì vậy nên gọi là vô ngại (không cản trở)".

15.8

Hỏi: "Thế nào là bi (xót thương)?".

Đáp: "Như Hóa Thân thì không suy lự, thể hợp chân không, thương vạn vật thì vô tâm (không có lòng thiên lệch). Vì thế mà gọi là Bi".

15.9

Hỏi: "Chúng sinh tu đạo đến lúc nào thì được giống như Như Lai?".

Đáp: "Nếu không liễu ngộ, thì tu đạo muôn kiếp như cát sông Hằng cũng không đủ. Còn nếu liễu ngộ, cái thân này của chúng sinh tức là Như Lai. Thì còn bàn gì đến việc được giống như hay không giống như (Như Lai)".

15.10

Hỏi: "Cứ như lời đó, thì thật dễ đắc quả Như Lai. Tại sao lại còn nói (Đức Phật) tu tới ba đại kiếp?".

Đáp: "Thật rất khó".

15.11

Hỏi: "Nếu chẳng động, thân này tức là (Như Lai). Tại sao còn nói là khó?".

Đáp: "Khởi tâm dễ, diệt tâm khó. Cho rằng có thân thì dễ, không cho là có thân thì khó. Hữu thì dễ, vô thì khó. Vì vậy, như là công phu huyền diệu thì khó hiểu, chân lý kỳ diệu thì khó hợp. Bất động tức là chân, tam thánh khó theo."

15.12

Đến đó, Duyên Môn quát lớn, thanh tràn mùi hương. Bỗng nhiên, âm bật, khoát nhiên đại ngộ. Huyền Quang tĩnh trí, phản chiếu vô nghi. Lần đầu biết học đạo thật khó, mộng寐 tiêu tan. Rồi cao giọng nói: "Lành thay, lành thay, như tiên sinh không nói mà nói, đệ tử không nghe mà nghe. Nói nghe hợp nhất, thì tịch lặng không lời. Không biết tiên sinh đặt tên cho những câu vấn đáp vừa qua là gì?"

15.13

Lúc đó, Nhập Lý tiên sinh, thân an bất động, nhướng mắt không nói, liếc quanh bốn hướng, ha hả cười vang. Rồi nói với Duyên Môn: "Phàm đến chốn cùng lý vi diệu, thì không còn văn tự. Những câu khi trước người hỏi, đều do tâm nghĩ suy tính toán mà ra. Mộng thì đa đoan, tỉnh rồi thì chẳng có. Người muốn truyền lưu ở đời, nên đòi đặt tên giữ dấu. Thì gọi là Tuyệt Quán Luận vậy".

* Duyên Môn Luận một quyển.

A... Chí Trùng Xà Lê, mỗi người giữ một quyển giáo xét đến cuối.

[Theo Đôn Hoàng Di Thư Tổng Mục Tác Dẫn (trang 271) có chú thích là cuối bản Tuyệt Quán Luận còn có đề năm bản luận này được sao chép lại là năm Trinh Nguyên thứ Mười (Triều đại vua Đức Tôn nhà Đường), tức là năm 795 theo Dương Lịch]

KINH LĂNG GIÀ (Trích)

Này Mahamati, có những người sợ khổ nên nảy sinh ra ý phân biệt tử sinh nên cầu tìm Niết Bàn, mà chẳng hiểu rằng sanh tử Niết Bàn, vốn chẳng thể tách rời. Rồi đến khi nhận thấy tất cả các pháp đều chẳng có thật thì họ lại tưởng rằng Niết Bàn là cõi hư vô, nơi mọi căn trần, cảnh giới đều tiêu ma.

Này Mahamati, họ không thức ngộ ra rằng Niết Bàn chính là sự tự giác thánh trí của tàng thức chuyển. Vì vậy, phàm phu nói rằng có ba thừa mà không biết đó chỉ là các trạng thái của tâm lượng.

Này Mahamati, phàm phu không hiểu được lời dạy của các Như Lai, hiện tại, quá khứ và tương lai, rằng tất cả thế giới ngoại tại đều chỉ là cảnh giới của tự tâm (ngoài tâm ra, không có một cảnh giới nào hết), nên họ cho rằng, ngoài tâm ra còn có một cảnh giới ngoại tại. Vì vậy, Mahamati, họ tự trôi buộc vào dòng sinh tử luân hồi đó vậy.

Lại nữa, theo lời dạy của ba đời chư Phật thì vạn pháp chẳng sanh. Vì tại sao? Vì chúng chỉ là sự bày hiện của tự tâm, nên không có một tự tánh nào hết.

Này Mahamati, các tánh chẳng sanh, các pháp cũng chỉ như sừng thỏ, sừng ngựa; thế nhưng bọn phàm phu ngu si chẳng ngộ được sự sai lầm của mình nên càng sanh vọng tưởng kể trừ.

Này Mahamati, các pháp chẳng sanh thì thuộc về cảnh giới tự giác trí huệ, chứ không phải thuộc về thế giới nhị nguyên, phân biệt của bọn phàm phu ngu độn (có kiến chấp sanh diệt trụ...)

---o0o---

HẾT